

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 2511 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *man*

**Nơi nhận:** *nguy*

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Hiệp**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*



**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>							
01	01	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh thành lập	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018.
02	02	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Thẩm quyền của Quốc hội và Chính phủ: 66 ngày (chưa kể thời gian làm việc của Quốc hội và Chính phủ); - Thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh: 48 ngày (chưa kể thời gian làm việc của HĐND tỉnh).	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. - Quyết định số 2762/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/7/2020.
03	03	1.000084	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý		Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.			
04	04	1.000081	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
05	05	1.007917	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/12/2019
06	06	1.000055	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
07	07	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)		Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.			
08	08	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	a) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế: 47 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ b) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế: 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN
09	09	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của quỹ	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>							
10	01	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	- Thẩm định Đề án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ; - Thẩm định Phương án:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)	Không	- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;</p> <p>- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.</p>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		<p>- Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN</p>
<b>LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>						
11	01	1.003695	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>Không</p> <p>- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;</p> <p>- Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT</p>
12	02	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà</p>	<p>Không</p> <p>- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP</p> <p>- Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.			
13	03	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT
14	04	1.003327	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	70 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT, ngày 27/4/2015 quy định Quy trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT
15	05	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích, phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất tiêu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp - Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>							
16	01	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi. - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
17	02	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
18	03	1.003887	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
19	04	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
20	05	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
21	06	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.			
22	07	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
23	08	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
24	09	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
25	10	2.001796	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
26	11	1.004399	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
27	12	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh					
28	13	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
29	14	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
<b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI</b>							
30	01	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, ngày 20/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT
31	02	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Nghị định số 50/2020/NĐ-CP - Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT
32	03	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì UBND cấp tỉnh, thành phố phê duyệt	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Nghị định số 50/2020/NĐ-CP - Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG</b>						
33	01	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
34	02	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>							
35	01	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
36	02	1.000052	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Phí: - Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống. - Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đồng/01 lô giống	- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công ích.	- Công nhận vườn giống là 2.400.000 đồng/01 vườn giống	lâm nghiệp chính. - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
37	03	3.000160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không phải xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xác minh: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN
38	04	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	- Trường hợp không phải xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải xác minh: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
39	05	1.007918	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh. - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN - Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định về phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về thẩm định dự án, thẩm định thiết kế - dự toán xây dựng công trình và chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI (Được UBND tỉnh Lâm Đồng phân cấp)</b>							
40	01	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
41	02	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý		Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	
42	03	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TC - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
43	04	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
44	05	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		tỉnh		chính công ích.			
45	06	1.003203	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
46	07	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL - Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 15/6/2021
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>							
47	01	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	- Trường hợp cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: trong thời	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về Trồng trọt - Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ				
<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>							
48	01	1.007931	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không tính thời gian khắc phục của tổ chức, cá nhân).	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.)	Phí: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 31/2018/QH14 - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV
49	02	1.007932	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp do thay đổi địa điểm buôn bán (không tính thời gian khắc phục của tổ chức, cá nhân). 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 31/2018/QH14 - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón - Thông tư số 14/2018/TT-BTC - Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV
50	03	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần	Không	- Luật số 31/2018/QH14 - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP - Nghị định số 181/2013/NĐ-

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				Phú, Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		CP ngày 14/11/2013 - Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV	
51	04	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 600.000 đồng	- Luật số 31/2018/QH14 - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
52	05	1.004509	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội về Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT - Thông tư số 33/2021/TT-BTC - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
53	06	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển	24 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP	Không	- Luật số 41/2013/QH13 - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật		Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		ban hành quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC. - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVT - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP	
54	07	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</li> <li>- 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.</li> <li>- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Phí: 800.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 41/2013/QH13</li> <li>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm</li> <li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP, ngày 17/9/2018 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp</li> <li>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 33/2021/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVT</li> <li>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</li> </ul>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Sơ.			
55	08	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú, Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 800.000 đồng/lần  - Luật số 41/2013/QH13 - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT - Thông tư số 33/2021/TT-BTC - Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVT - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVT - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG</b>						
56	01	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký  - Luật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật - Luật số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội về Chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. + Trường hợp hồ sơ</p>			<p>điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TTBKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.			Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ. - Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN	
57	02	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về hoạt động khuyến nông - Quyết định số 2519/QĐ-BNN
<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN</b>							
58	01	2.001827	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở	Đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường	- Phí thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện ATTP 350.000đ	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 09/4/2014 Hướng dẫn việc

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sản xuất, kinh doanh, chế biến Nông lâm sản	việc - Đối với cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại: 15 ngày làm việc	4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định cấp GCN ATTP: 700.000đ	phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm Nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong lĩnh vực Nông nghiệp. - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 285/2016 quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý phí lệ phí trong công tác thú y; thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
						an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL - Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	
59	02	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến Nông lâm sản(trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm việc - Đối với cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại: 15 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định cấp GCN ATTP: 700.000đ	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC - Thông tư số 44/2018/TT-BTC - Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL
60	03	2.001819	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến Nông lâm sản(trường hợp giấy vẫn còn thời hạn hiệu	Thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định cấp GCN ATTP: 700.000đ	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC - Thông tư số 44/2018/TT-BTC

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		lực nhưng bị mất, bị hỏng hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận)				- Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL	
<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI</b>							
61	01	1.008126	Cấp Giấy đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: Trong thời hạn 20 ngày làm việc - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Trong thời hạn 10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về Chăn nuôi - Nghị định số 13/2020/ NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ quy định chi tiết Luật chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi. - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN
62	02	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại	Thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP	Phí: - Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/ NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Quyết định số 823/QĐ-BNN-

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		quy mô lớn		Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	CN	
63	03	1.008127	Cấp lại Giấy đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Thời hạn giải quyết là 05 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 4.300.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN
64	04	1.008128	Cấp Giấy đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.)	Phí: - Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Thông tư số 24/2021/TT-BTC - Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN
<b>LĨNH VỰC THÚ Y</b>							
65	01	2.002132	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- Cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn: 15 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường	- Phí kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y đối với; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			<p>- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y bị mất, hỏng, thất lạc hoặc thay đổi, bổ sung thông tin: 05 ngày làm việc</p>	<p>4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần. - Phí kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần. - Đối với trường hợp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận vệ sinh thú y: Không thu phí.</p>	<p>- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</p>	
66	02	1.002338	<p>Cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi</p>	<p>- Tối đa không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật xuất</p>	<p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Eo Gió, huyện Đơn Dương</p>	<p>Phí kiểm dịch theo Mục III, biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y, Ban hành tại Thông tư</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 14/2016/TT-</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		địa bàn cấp tỉnh	<p>phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh hoặc được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ hoặc sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y.</p> <p>- Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; động vật chưa được phòng bệnh theo quy định hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh; sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản</p>	<p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Madagui, huyện Đạ Huoai</p> <p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Phước Cát, huyện Cát Tiên</p>	<p>số 101/2020/TT-BTC.</p> <p>- Các chỉ tiêu kiểm tra theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Thông tư 68/2021/TT-BTC ngày 06/8/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y</p>	<p>BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</p> <p>- Thông tư số 68/2021/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 4559/QĐ-BNN</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y; hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng.				
67	03	2.00873	Cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>- Tối đa không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh.</p> <p>- Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh. Động vật, sản phẩm động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng.</p>	<p>Trực tiếp tại Trạm kiểm dịch động vật đầu mối.</p> <p>(Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Eo Gió, huyện Đơn Dương; Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Madaguoi, huyện Đạ Huoai; Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Phước Cát, huyện Cát Tiên)</p>	<p>- Phí kiểm dịch theo Mục III, biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</p> <p>- Các chi tiêu kiểm tra theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</p> <p>- Thông tư số 68/2021/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 4559/QĐ-BNN</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
68	04	1.001094	<p>Cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật thủy sản tham gia hội chợ triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm</p>	<p>- Tối đa không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh.</p> <p>- Tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh. Động vật, sản phẩm động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng.</p>	<p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Eo Gió, huyện Đơn Dương</p> <p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Madaguoi, huyện Đa Huoai</p> <p>- Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông Phước Cát, huyện Cát Tiên</p>	<p>- Phí kiểm dịch theo Mục III, biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC.</p> <p>- Các chi tiêu kiểm tra theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</p> <p>- Thông tư 68/2021/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 4559/QĐ-BNN</p> <p>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</p>
69	05	1.002239	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy</p>	<p>13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường</p>	<p>Phí: 300.000 đồng/lần kiểm tra</p>	<p>- Luật số 79/2015/QH13</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận		4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		BNNPTNT - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 - Quyết định số 4559/QĐ-BNN - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP	
70	06	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (bao gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp gia hạn.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Lệ phí: - Từ ngày 06/8/2021 đến ngày 31/12/2021: 25.000 đồng/ CCHN. - Từ ngày 01/01/2022 trở đi: 50.000 đồng/CCHN	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Thông tư số 68/2021/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
71	07	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường	Lệ phí: - Từ ngày 06/8/2021 đến ngày 31/12/2021: 25.000 đồng/ CCHN.	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		hông; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)		4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Từ ngày 01/01/2022 trở đi: 50.000 đồng/CCHN	- Thông tư số 68/2021/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP	
72	08	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 230.000 đồng/ lần kiểm tra	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
73	09	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng kí)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 79/2015/QH13 - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
74	10	1.004022	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36	Phí: 900.000 đồng/ giấy	- Luật số 79/2015/QH13 - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		- Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP	
75	11	1.003781	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 300.000 đồng /lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
76	12	1.005327	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 300.000 đồng /lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
77	13	1.003619	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 300.000 đồng /lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
78	14	1.003810	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc: Đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.</li> <li>- 17 ngày làm việc: Đối với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Phí: 300.000 đồng/ lần kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY</li> <li>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</li> </ul>
79	15	1.003612	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 07 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng.</li> <li>- 17 ngày đối với các trường hợp còn lại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Phí: 300.000 đồng/ lần kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY</li> <li>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</li> </ul>
80	16	1.003598	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY</li> <li>- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP</li> </ul>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
81	17	1.003589	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 300.000 đồng /lần kiểm tra  - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 01/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
82	18	1.003577	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí: 300.000 đồng /lần kiểm tra  - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT - Thông tư số 283/2016/TT-BTC - Thông tư số 101/2020/TT-BTC - Quyết định số 2474/QĐ-BNN-TY - Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP
<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>						
83	01	1.004918	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ thủy sản giống bố mẹ)	- Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: Không quá 10 ngày làm việc - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện: Không quá 03 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không  - Luật số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về thủy sản. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
84	02	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 10 ngày làm việc.</li> <li>- Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: Trong thời hạn 03 ngày làm việc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 18/2017/QH14</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS</li> </ul>
85	03	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 18/2017/QH14</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS</li> </ul>	
86	04	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật số 18/2017/QH14</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</li> <li>- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS</li> </ul>	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
				qua dịch vụ bưu chính công ích.			
87	05	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 18/2017/QH14 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS
88	06	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- Trình tự xác nhận nguồn gốc: Trong thời hạn 03 ngày làm việc - Trình tự xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực: Trong thời hạn 07 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 18/2017/QH14 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS.
89	07	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc; b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc	Không	- Luật số 18/2017/QH14 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày làm việc	qua dịch vụ bưu chính công ích.			
90	08	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền cho tổ chức cộng đồng	<p>a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc;</p> <p>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:</p> <p>- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;</p> <p>- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú Phường 4, TP Đà Lạt)</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không	<p>- Luật số 18/2017/QH14</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</p> <p>- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS</p>

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>							
01	01	1.003281	Bố trí, ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT, ngày 27/4/2015 quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ- TTg - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT
02	02	1.003319	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT - Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT
03	03	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>							
04	01	2.001627	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL



STT		Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
05	02	1.003347	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL
06	03	1.003471	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL
07	04	1.003459	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL
08	05	1.003456	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Chưa có quy định	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>							
09	01	1.007919	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT - Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCLN
10	02	1.000037	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Hạt kiểm lâm cấp huyện - Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN
11	03	3.000175	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Trường hợp không có thông tin vi phạm 04 ngày làm việc. - Trường hợp có thông tin vi phạm 06 ngày làm việc	- Hạt kiểm lâm cấp huyện - Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN
<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>							
12	01	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc	a) Công khai phương án: 03 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện,	Không	- Luật số 18/2017/QH14 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thực thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			địa bàn quản lý)	b) Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.	thành phố. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	- Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS
13	02	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	a) Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ,	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không  - Luật số 18/2017/QH14 - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
			kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.				
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG</b>							
14	01	1.003605	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN
<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (Được UBND tỉnh phân cấp)</b>							
15	01	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- Trường hợp 1: Đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: Thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc - Trường hợp đối với cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	- Phí : 700.000 đồng (Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm) - Phí : 350.000 đồng (Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm)	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT - Thông tư số 286/2016/TT-BTC - Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
16	02	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp 1: Đối với cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: Thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc</li> <li>- Trường hợp đối với cơ sở chưa được thẩm định và xếp loại A hoặc B: Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố.</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích</li> </ul>	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 700.000 đồng/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND</li> </ul>
17	03	2.001819	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP)	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả UBND cấp huyện, thành phố.</li> <li>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích</li> </ul>	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 700.000 đồng/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT</li> <li>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC</li> <li>- Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND</li> </ul>

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG</b>							
01	01	1.008838	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008 của Quốc hội về Đa dạng sinh học - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen - Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN
02	02	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN
<b>LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>							
03	01	2.002163	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT
04	02	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng,

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
		khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	định	cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.		chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều. - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT	
05	03	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT
06	04	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT
07	05	2.002161	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thực thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>							
08	01	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL
09	02	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL
10	03	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật số 08/2017/QH14 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL



STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý	
<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>							
11	01	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT - Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT

**Ghi chú:** Quyết định này thay thế các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Số 1484/QĐ-UBND ngày 09/7/2019; Số 268/QĐ-UBND ngày 06/02/2020; Số 663/QĐ-UBND ngày 08/4/2020; Số 1222/QĐ-UBND ngày 06/7/2020; Số 1707/QĐ-UBND ngày 11/8/2020; Số 2698/QĐ-UBND ngày 25/11/2020; Số 552/QĐ-UBND ngày 16/3/2021; Số 916/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Số 1174/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.